TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/ 11/ 2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
  2. Bà Bạc Thị Kiên

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nông Quốc Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 318/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXX-ST ngày 24/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 44 ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Lò Thị B - Sinh năm 1995 (Có mặt).

Nơi ĐKNKTT: Bản Cò C 2, xã M, Huyện Đ, tỉnh ĐB. Chỗ ở hiện nay: Bản Tân B, xã M, huyện Đ.

2. **Bị đơn**: Anh Cà Văn Ch, sinh năm 1988

Trú tại: Bản C 2, xã M, Huyện Đ, tỉnh ĐB.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***1**.Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/9/2019 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị B (nguyên đơn) trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh Cà Văn Ch tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, vào ngày 01/8/2014, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ch, ham chơi lười lao động không tu chí làm ăn và bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh Ch từ bỏ ma túy nhưng anh Ch không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng chúng tôi thường xuyên cãi vã. Anh Ch dọa giết tôi nhiều lần làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc phát triển của

con tôi. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân, tôi về nhà mẹ đẻ tại bản T, xã M sinh sống từ tháng 12/2018 cho đến nay. Từ khi sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ch

Về con chung: Chị B khai vợ chồng có 01 con chung là: Cà Văn L, sinh ngày 02/4/2013, sau khi ly hôn chị B xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị B khai không có.

2.Tại bản tự khai ngày 20/9/2019 bị đơn anh Cà Văn Ch trình bày:

Về hôn nhân anh và chị B tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ ngày 08/01/2014 hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Bản thân tôi ham chơi bời nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Sau đó vợ tôi bỏ về bên ngoại sống hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay, không quan tâm đi lại thăm nom gì nhau. Nay tình cảm không còn cô Bang làm đơn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung anh Ch khai vợ chồng có 01 con chung cháu Cà Văn L sinh ngày 02/4/2013, sau khi ly hôn anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lượng cho đến khi thành niên không yêu cầu cô Bang cấp dưỡng.

Về Tài sản riên, tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh Ch khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Cà Văn Ch đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bang vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, về tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận cho chị Bang được nuôi con và không yêu cầu anh Chương cấp dưỡng. Về tài sản không có; Về án phí nguyên đơn được miễn án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bị đơn và nguyên đơn đều có địa chỉ tại bản Cò C 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177/ BLTTDS, việc anh Ch không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Ch đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Cà Văn Ch có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2014 tại UBND xã M, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nguyên nhân chính do anh Ch bị nghiện chất ma túy. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập cho thấy anh Ch và chị B về chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ch không tu chí làm ăn, lại mắc nghiện chất ma túy, có danh sách theo dõi đối tượng nghiện ma túy của xã M .Tháng 6/2019 anh Ch bị Đồn biên phòng M bắt về hành vi sử dụng ma túy đã bị xử phạt hành chính. Chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay hai người đã ly thân được một năm. Bản thân chị B xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị Bang và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị B cùng con. Hai anh chị lại sống ly thân một năm nay. Hơn nữa tại bản tự khai anh Ch cũng đồng ý ly hôn. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Bang xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị B và anh Cà Văn Ch.

[3] Về con chung: Chị B và anh Ch đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Cà Văn L, sinh ngày 02/4/2013 cho đến khi thành niên không yêu cầu cấp dưỡng. Hai anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con chung, anh Ch tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đã không đến hòa giải tại Tòa án về việc nuôi con.Theo xác nhận của UBND xã Mường P anh Ch bị nghiện chất ma túy có tên trong danh sách theo dõi của xã M P, anh Ch thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị Bang. Giao con cho chị Bang được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Ch có quyền đi lại thăm con nom chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Chị B không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị B.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị B và anh Ch đều khai nhận không có.

[6] Về án phí: Chị B là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm đ

Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị Bang được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị B được ly hôn với anh Cà Văn Ch.

2. Về con chung: Chị B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng con chung Cà Văn L, sinh ngày 02/4/2013 cho đến khi cháu thành niên. Anh Ch không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản:Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí:

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lò Thị B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải **Bạc Thị Liên** **Bạc Thị Kiên**
